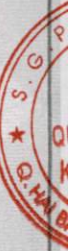


CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG

TECHCOM CAPITAL 

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TECHCOM (TCEF)**



MỤC LỤC

CƠ SỞ PHÁP LÝ	1
CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH	1
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ	5
Điều 2. Thời hạn của Quỹ	5
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	5
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán	6
Điều 5. Đại diện theo Pháp Luật của Quỹ	6
Điều 6. Công ty Quản Lý Quỹ	6
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát:	6
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	6
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	6
Điều 9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư	7
Điều 10. Hạn mức đầu tư	7
Điều 11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký Quỹ	9
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	9
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	10
Điều 13. Nhà Đầu Tư	10
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	10
Điều 15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư	10
Điều 16. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	11
Điều 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	12
Điều 18. Giá dịch vụ, giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại Đơn Vị Quỹ	13
Điều 19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ	15
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	15
Điều 20. Đại Hội Nhà Đầu Tư	15
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư	16

Điều 22.	Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	16
Điều 23.	Phản đối Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.....	18
CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ		19
Điều 24.	Ban Đại diện Quỹ	19
Điều 25.	Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ	19
Điều 26.	Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại diện Quỹ.....	19
Điều 27.	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ.....	20
Điều 28.	Đình chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	21
Điều 29.	Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ	21
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....		21
Điều 30.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản Lý Quỹ.....	21
Điều 31.	Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ.....	22
Điều 32.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ	25
Điều 33.	Hạn chế hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ.....	26
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....		28
Điều 34.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	28
Điều 35.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	28
Điều 36.	Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát.....	29
Điều 37.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát.....	32
CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN.....		32
Điều 38.	Các hoạt động được ủy quyền.....	32
Điều 39.	Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan.....	32
Điều 40.	Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan	33
Điều 41.	Trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	34
Điều 42.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền.....	35
CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....		36
Điều 43.	Tiêu chuẩn lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ	36
Điều 44.	Hoạt động của Đại Lý Phân Phối.....	36
Điều 45.	Hoạt động của đại lý ký danh.....	37
Điều 46.	Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ	38

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	40
Điều 47. Công ty Kiểm toán.....	40
Điều 48. Năm Tài chính	40
Điều 49. Chế độ kế toán	40
Điều 50. Báo cáo tài chính	40
Điều 51. Báo cáo khác	41
CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ.....	41
Điều 52. Xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”).....	41
Điều 53. Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ	41
Điều 54. Quy trình định giá tài sản Quỹ	42
Điều 55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ.....	43
Điều 56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá	43
CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ GIÁ DỊCH VỤ CỦA QUỸ.....	44
Điều 57. Phân phối lợi nhuận	44
Điều 58. Chi phí, giá dịch vụ hoạt động của Quỹ	44
CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	47
Điều 59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ.....	47
Điều 60. Các điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ.....	47
Điều 61. Kiểm soát xung đột lợi ích	47
Điều 62. Thông báo và Công bố thông tin.....	48
Điều 63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.....	48
Điều 64. Hiệu lực của Điều lệ	49
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	50
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	52
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	53
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN.....	54

CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán ngày 23 tháng 9 năm 2013;
- Nghị định 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc thành lập và quản lý quỹ mở ngày 16 tháng 12 năm 2011;
- Thông tư số 125/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản Lý Quỹ ngày 5 tháng 9 năm 2011;
- Thông tư 212/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ ngày 05 tháng 12 năm 2012;
- Thông tư 123/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 18 tháng 8 năm 2015;
- Thông tư 198/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ mở ngày 15 tháng 11 năm 2012;
- Thông tư 181/2015/TT-BTC Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ Hoán đổi danh mục do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư 91/2019/TT-BTC sửa đổi Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ngày 6 tháng 10 năm 2015;

- Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý liên quan khác.

CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

Khi được sử dụng tại Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- “Quỹ”** có nghĩa là Quỹ Đầu Tư Cổ phiếu Techcom, một loại hình Quỹ mở do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý chào bán Chứng Chi Quỹ ra công chúng và được thành lập theo các quy định hiện hành về chứng khoán tại Việt Nam và Điều lệ này.
- “Công ty Quản Lý Quỹ”** có nghĩa là Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương, được thành lập theo giấy phép số 57/GP-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 30/01/2019, đáp ứng các tiêu chuẩn như nêu tại Điều 30 và có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 31 của Điều lệ này.
- “Ngân Hàng Giám Sát”** là Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) là Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015, thực hiện các nghiệp vụ bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ
- “Công Ty Kiểm Toán”** là công ty kiểm toán độc lập cho quỹ được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom.
- “Điều lệ”** có nghĩa là văn bản này, các phụ lục đính kèm ở đây và các sửa đổi hợp pháp (nếu có) được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua vào từng thời điểm và áp dụng cho Quỹ.
- “Bản Cáo Bạch ”** có nghĩa là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán Chứng Chi Quỹ của Quỹ ra công chúng.
- “Hợp Đồng Giám Sát”** có nghĩa là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư.

- “Nhà Đầu Tư ”** là cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ và được đăng ký tên trong Sổ Đăng Ký
- “Đại Hội Nhà Đầu Tư ”** là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
- “Ban Đại Diện Quỹ”** có nghĩa là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
- "Chủ Tịch"** có nghĩa là Chủ Tịch của Ban Đại Diện Quỹ.
- “Vốn Điều lệ”** là tổng số vốn bằng tiền do các Nhà Đầu Tư thực góp trong đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ này.
- “Đơn Vị Quỹ”** là vốn Điều Lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau nhau khi kết thúc mỗi đợt phát hành ra công chúng. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ và có một quyền biểu quyết.
- “Chứng Chỉ Quỹ”** Là chứng khoán do Công ty Quản Lý Quỹ đại diện cho Quỹ phát hành dưới dạng ghi sổ hoặc bút toán, đã được thanh toán đầy đủ và xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hay vốn của Quỹ theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
- “Giá bán/Giá phát hành”** là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ/ Bản Cáo Bạch.
- “Giá mua lại”** là mức giá mà Công ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ.
- “Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại”** Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua/bán một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Phát Hành/Giá Dịch Vụ Mua Lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ.

“Giá dịch vụ quản lý quỹ” là giá dịch vụ phải trả cho Công ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.

“Cổ Tức Quỹ” là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí/giá dịch vụ hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư

“Đại Lý Chuyên Nhượng” có nghĩa là Công ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ mở;

- Ghi nhận các Lệnh Mua, Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;

- Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư;

- Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

- Cung cấp cho Nhà Đầu Tư sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch, báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản báo cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác

“Đại Lý Phân Phối” là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ mở và được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm đại lý phân phối.

“Điểm Nhận Lệnh” là trụ sở chính của Đại Lý Phân Phối hoặc chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của Đại Lý Phân Phối được ủy quyền để nhận lệnh từ các Nhà Đầu Tư. Thông tin chi tiết về Điểm Nhận Lệnh được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

“Đồng Việt Nam” có nghĩa đồng tiền pháp định của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

- “NAV”** là Giá Trị Tài Sản Ròng, được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ được tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- “HNX”** là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- “HSX”** là Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- “Lệnh Bán”** là lệnh bán của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đặt bán được xác nhận là được sở hữu bởi Nhà Đầu Tư đó.
- “Lệnh Chuyển Đổi Quỹ”** là lệnh chuyển đổi Quỹ của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh Được Chấp Nhận
- “Lệnh Mua”** là lệnh mua của Nhà Đầu Tư được chấp nhận để thực hiện sau khi hồ sơ đăng ký mua đã được chấp nhận và tiền mua được xác nhận đã nhận được.
- “Lệnh Chuyển Nhượng”** là lệnh của Nhà Đầu Tư chuyển nhượng quyền sở hữu một số lượng xác định Đơn Vị Quỹ cho người khác dưới dạng quà tặng, thừa kế hoặc thực hiện lệnh của tòa án.
- “Lệnh Được Chấp Nhận”** là từng Lệnh Bán hoặc Lệnh Mua hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ hoặc Lệnh Chuyển Nhượng hoặc là một nhóm lệnh bao gồm các Lệnh Bán, Lệnh Mua hoặc Lệnh Chuyển Đổi Quỹ và Lệnh Chuyển Nhượng nhận được trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh.
- “Năm Tài Chính”** có nghĩa như định nghĩa tại Điều 48 của Điều lệ này.
- “Ngày Định Giá”** là ngày mà Công ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.
- “Ngày Giao Dịch”** là ngày định giá mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ mở

- “Ngày Làm Việc”** là ngày thị trường chứng khoán mở cửa giao dịch tại Việt Nam.
- “Nghị Quyết Đặc Biệt”** có nghĩa là nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 22.6 của Điều lệ này.
- “Nghị Quyết Thông Thường”** có nghĩa là một nghị quyết được Nhà Đầu Tư tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo quy định tại Khoản 22.6 của Điều lệ này.
- “Pháp Luật”** có nghĩa là Pháp Luật của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- “Sổ Đăng Ký”** có nghĩa là Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư chính là tài liệu dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai ghi nhận các thông tin về Nhà Đầu Tư sở hữu chứng chỉ quỹ.
- “Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh”** có nghĩa là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối có thể nhận lệnh giao dịch Đơn Vị Quỹ để thực hiện vào Ngày Giao Dịch và được xác định cụ thể tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- “UBCKNN”** có nghĩa là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
- Các định nghĩa khác** Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được giải thích theo quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan với những sửa đổi phù hợp theo ngữ cảnh của Điều lệ này.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tên và địa chỉ đăng ký của Quỹ

- 1.1. Tên tiếng Việt: Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Techcom
- 1.2. Tên tiếng Anh: Techcom Equity Fund
- 1.3. Tên viết tắt : TCEF
- 1.4. Địa chỉ: Tầng 10, Techcombank Tower, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- 1.5. Điện thoại: (+84) 24 3944 6368 Fax: (+84) 24 3944 6583
- 1.6. Website: <http://www.techcomcapital.com.vn/>

2. Thời hạn của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Quỹ chính thức bắt đầu hoạt động sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ. Thời hạn hoạt động của Quỹ sẽ kết thúc ngay sau khi Quỹ bị giải thể theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức Quỹ mở theo quy định của Pháp Luật.

4. Tổng vốn huy động và số lượng Đơn Vị Quỹ được chào bán

- 4.1. Vốn Điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ là 60.670.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng). Vốn Điều lệ sẽ được chia thành 6.067.000 (Sáu triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn) Đơn Vị Quỹ. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VNĐ (mười nghìn Đồng Việt Nam).
- 4.2. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

5. Đại diện theo Pháp Luật của Quỹ

Đại diện theo Pháp Luật của Công ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

6. Công ty Quản Lý Quỹ

- 6.1. Tên Công ty Quản Lý Quỹ
- | | |
|----------------|---------------------------------------|
| Tên Tiếng Việt | Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương |
| Tên Tiếng Anh | TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | TECHCOM CAPITAL |
- 6.2. Giấy phép thành lập Số 57/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/01/2019
- 6.3. Địa chỉ đăng ký Tầng 10, số 191 phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- 6.4. Điện thoại: 84-24-3944 6368 Fax: 84-24-3944 6583

7. Ngân Hàng Giám Sát:

- 7.1. Tên Ngân Hàng Giám Sát:
- | | |
|----------------|---|
| Tên Tiếng Việt | Ngân hàng TNHH Một Thành viên Standard Chartered (Việt Nam) |
| Tên Tiếng Anh | Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited |
- 7.2. Giấy phép thành lập và hoạt động: Số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08 tháng 09 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm).
- 7.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký: Số 08/GCN-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 7/5/2015.
- 7.4. Địa chỉ đăng ký: P1810-P1815, Keangnam Hanoi Landmark, E6, Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- 7.5. Điện thoại: (84.4) 3936 8000 Fax: (84.4) 3248 4355
- 7.6. Website: <http://www.sc.com/vn>

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập trên cơ sở đánh giá, lựa chọn các tài sản có chất lượng tốt, phân bổ danh mục hợp lý và tối thiểu hóa rủi ro cho Nhà Đầu Tư.

9. Chiến lược và lĩnh vực đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ được xây dựng linh hoạt theo từng thời kỳ nhằm đạt được mục tiêu đầu tư dựa trên các phân tích, đánh giá về kinh tế vĩ mô, chu kỳ kinh tế và yếu tố thị trường. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư của Quỹ không nằm ngoài chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị hay sự kết hợp của cả hai chiến lược này.

Theo đó, chiến lược đầu tư của Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế đầu tư vào (i) nhóm chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu có vốn hóa lớn và trái phiếu được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao hoặc được ngân hàng uy tín bảo lãnh (ii) nhóm chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) nhóm chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) nhóm chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản Lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

10. Hạn mức đầu tư

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Chiến lược đầu tư tạm thời: Khi các điều kiện của thị trường hoặc của nền kinh tế được xem là bất lợi cho các nhà đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ có thể đầu tư lên tới 100,0% (một trăm phần trăm) tài sản của Quỹ một cách thận trọng tạm thời, bằng việc nắm giữ toàn bộ hoặc phần lớn tài sản của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể không đạt được mục tiêu đầu tư được đề ra.

10.1. Các loại tài sản mà quỹ được đầu tư bao gồm

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch chứng khoán, và chi nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro.

- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
- 10.2. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:
- a) Trữ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát; Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 10.1.
 - b) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f khoản 10.1 Điều này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh là giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại Điều 53.3 Điều Lệ.
 - c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, Công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
 - d) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu chính phủ;
 - e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 10.1 Điều này;
 - f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ
 - g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
 - h) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
 - i) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
 - k) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;
 - l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b Khoản 10.1 Điều này được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử (e-voting) tuân thủ theo các Quy định Pháp luật hiện hành.
- 10.3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra tại Khoản 10.2 ngoại trừ điểm g, h và i, nhưng chỉ vì các lý do sau:
- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với Pháp Luật của Quỹ;

- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - d) Các hoạt động sáp nhập, hợp nhất và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
 - e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ;
 - f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.4. Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định tại Khoản 10.2 của Điều này trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.
- 10.5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát sinh sai lệch. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận, thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

11. Hoạt động vay, cho vay và giao dịch ký Quỹ

- 11.1. Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a, Khoản 10.1 Điều này.
- 11.2. Công ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- 11.3. Công ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ áp dụng phương pháp từ dưới lên (bottom-up approach) trong việc lựa chọn từng loại chứng khoán cụ thể thông qua việc phân tích công ty, bao gồm phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá các chỉ số tài chính, đánh giá tiềm năng tăng trưởng, lợi thế cạnh tranh, bộ máy điều hành, quản trị doanh nghiệp, vv.

Quỹ cũng sử dụng phương pháp từ trên xuống (top-down approach), trong đó việc lựa chọn và phân bổ tài sản sẽ dựa trên đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô và phân tích tiềm năng tăng trưởng & chính sách ngành. Từ đó, lập danh sách các chứng khoán tốt trong ngành cho việc lựa chọn công ty sẽ đầu tư.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

13. Nhà Đầu Tư

- 13.1 Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Nhà Đầu Tư sẽ không phải chịu trách nhiệm hoặc có bất kỳ nghĩa vụ nào khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ.
- 13.2 Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế và xã hội được Pháp Luật công nhận hoặc được thành lập một cách hợp pháp theo Pháp Luật nước ngoài và được cho phép đầu tư vào Quỹ. Nhà Đầu Tư là tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp để đại diện cho số Đơn Vị Quỹ mà tổ chức đó đang nắm giữ. Bất kỳ sự bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Quỹ bằng văn bản và được ký bởi người đại diện theo Pháp Luật của tổ chức đó.
- 13.3 Công ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng Chỉ Quỹ theo phương thức được quy định trong Bản Cáo Bạch và trở thành Nhà Đầu Tư.

14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

- 14.1. Nhà Đầu Tư có các quyền sau đây:
- Nhận thanh toán và phân chia, nếu có, do Quỹ thực hiện trong từng thời điểm và được phân chia tài sản hợp pháp nếu Quỹ bị thanh lý tương ứng với số lượng đơn vị quỹ nắm giữ;
 - Yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ;
 - Thực hiện quyền của mình thông qua Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - Chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật;
 - Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.
- 14.2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ như sau:
- Thanh toán đủ tiền mua chứng chỉ quỹ và chịu trách nhiệm với tư cách là người sở hữu Quỹ đối với các tổn thất hoặc nợ của Quỹ, nếu có, được giới hạn trong và không vượt quá số Đơn Vị Quỹ mà họ nắm giữ;
 - Tuân thủ các quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban Đại Diện Quỹ hoặc của Công ty Quản Lý Quỹ nếu được ủy quyền để đưa ra các quyết định đó;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật và Điều lệ này.

15. Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư

- 15.1. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lập hoặc ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ có liên quan lập

Sổ Chính và đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư phụ (“Sổ Phụ”) để chứng nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng Chỉ Quỹ.

15.2. Sổ chính, Sổ Phụ phải có các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ;
- b) Thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm:
 - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư; số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; Địa chỉ liên lạc, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email (nếu có);
 - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy giấy phép thành lập và hoạt động/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; họ và tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, số điện thoại liên lạc, địa chỉ email của cá nhân được tổ chức ủy quyền giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của tổ chức đó;
- c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà Đầu Tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;
- d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ Chính.

15.3. Công ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Pháp Luật (trừ Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh nước ngoài). Thông tin về phần nắm giữ của Nhà Đầu Tư và của đại lý ký danh trong Sổ Đăng Ký sẽ là bằng chứng chứng minh quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Đơn Vị Quỹ. Quyền sở hữu này được xác lập từ thời điểm khi thông tin về phần nắm giữ này được cập nhật trong Sổ Đăng Ký.

16. **Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**

16.1. Sau thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản Cáo Bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.

16.2. Tần suất giao dịch:

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Quỹ hoặc chuyển nhượng Đơn vị Quỹ vào một trong các Ngày Giao Dịch. Ngày Giao Dịch được xác định như sau:

- Các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (tần suất giao dịch hàng ngày).
- Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả nghỉ bù theo quy định của pháp luật.

Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai lần trong một tháng.

16.3. Giá bán một Đơn Vị Quỹ của Các Lệnh Được Chấp Nhận sẽ được xác định bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Đơn Vị Quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.

16.4. Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Quỹ đã nhận được khoản thanh toán đầy

- đủ bởi Nhà Đầu Tư.
- 16.5. Lệnh bán sẽ được chấp nhận để thực hiện khi Nhà Đầu Tư có đủ số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán và thỏa mãn điều kiện số dư còn lại tối thiểu hoặc Nhà Đầu Tư có thể đăng ký bán hết số dư trong tài khoản.
- 16.6. Lệnh chuyển đổi nhằm bán Đơn Vị Quỹ của Quỹ này để mua Đơn Vị Quỹ của Quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Đơn Vị Quỹ đăng ký bán thỏa mãn điều kiện của một Lệnh Bán hợp lệ.
- 16.7. Phù hợp với quy định tại Điều 17, Lệnh Được Chấp Nhận được Đại Lý Phân Phối nhận cho đến Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch đó. Tất cả các Lệnh Được Chấp Nhận nhận sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh sẽ được thực hiện vào Ngày Giao Dịch tiếp theo. Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh là thời điểm cuối cùng mà Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch của Chứng Chỉ Quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh được quy định tại điều lệ quỹ, công bố công khai tại bản cáo bạch và không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Hiện tại, Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh cho Ngày Giao Dịch “T” là 14h45 ngày T-1.
- 16.8. Tiền mua Chứng Chỉ Quỹ sau khi chuyển vào tài khoản tiền của Quỹ đặt tại Ngân Hàng Giám Sát thì được giải ngân để đầu tư ngay trong Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm thanh toán lãi suất cho Quỹ, tối thiểu bằng lãi suất không kỳ hạn, cho kỳ hạn kể từ ngày Quỹ nhận được tiền mua Chứng Chỉ Quỹ từ Nhà Đầu Tư.
- 16.9. Trường hợp Lệnh Mua Chứng Chỉ Quỹ và việc thanh toán cho Lệnh Mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi.
- 16.10. Nhà Đầu Tư có thể chọn tham gia mua Đơn Vị Quỹ theo các chương trình đầu tư quy định tại Bản Cáo Bạch.
- 17. Thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận, tạm dừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ**
- 17.1. Công ty Quản Lý Quỹ có thể thực hiện một phần Lệnh Được Chấp Nhận khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
- Tổng giá trị của các Lệnh Bán (bao gồm cả Lệnh Bán nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) trừ đi tổng giá trị của tất cả các Lệnh Mua (bao gồm cả Lệnh Mua nằm trong Lệnh Chuyển Đổi Quỹ) cho một Ngày Giao Dịch lớn hơn 10% (mười phần trăm) của NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ;
 - Việc thực hiện tất cả các lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư cho một Ngày Giao Dịch dẫn đến NAV tại Ngày Giao Dịch của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng (năm mươi tỷ đồng).

Đối với việc mua lại phần còn lại của Lệnh Bán, Lệnh Chuyển Đổi Quỹ đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, phần lệnh chưa thực hiện được ghép cùng

với các lệnh tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch là như nhau.

17.2. Trong trường hợp Lệnh Bán chỉ được thực hiện một phần, số lượng Chứng Chi Quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư nhỏ hơn số lượng Chứng Chi Quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ này sẽ được ưu tiên tự động bán hết vào kỳ giao dịch tiếp theo.

17.3. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tạm dừng các giao dịch Chứng Chi Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Các điều kiện bất khả kháng;
- b) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- c) NAV của Quỹ không thể xác định được tại Ngày Giao Dịch do các Sở giao dịch chứng khoán tạm dừng giao dịch;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của UBCKNN.

Các nguyên nhân của việc tạm dừng này phải được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ lập cho Quỹ trong thời gian sớm nhất kể từ khi xảy ra sự kiện dẫn đến việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ báo cáo Ban Đại Diện Quỹ và UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra các sự kiện có thể tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định của Pháp Luật.

17.4. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ tối đa sẽ là 90 ngày.

17.5. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể Quỹ, hoặc tách Quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng Chi Quỹ theo quy định tại Điều 17.3 chấm dứt, Công ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

18. Giá dịch vụ, giá phát hành và giá mua lại Đơn Vị Quỹ

Giá dịch vụ liên quan đến giao dịch Đơn Vị Quỹ sẽ do Nhà Đầu Tư thanh toán.

18.1. Giá dịch vụ phát hành

Giá dịch vụ phát hành áp dụng cho Lệnh Mua do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 5% (năm phần trăm) giá trị giao dịch Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ phát hành không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Các khoản tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá dịch vụ phát hành. Giá dịch vụ phát hành sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.2. Giá dịch vụ mua lại

Giá dịch vụ mua lại đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị Lệnh Bán. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ mua lại không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định.

Trường hợp Nhà Đầu Tư mua Chứng Chi Quỹ nhiều lần, mua theo chương trình ĐTĐK hoặc dưới hình thức tái đầu tư bằng nguồn cổ tức của Quỹ không phải chịu Giá dịch vụ phát hành, thời gian nắm giữ sẽ được tính theo phương pháp nêu tại Bản Cáo Bạch.

Giá dịch vụ mua lại sẽ được trừ vào khoản tiền bán được trả lại cho các Nhà Đầu Tư khi thực hiện các lệnh bán và được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.3. Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ

Giá dịch vụ Chuyển Đổi là Giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi thực hiện chuyển đổi đầu tư giữa các Quỹ mở do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý. Việc chuyển đổi Quỹ bằng việc bán một Quỹ và mua một Quỹ khác tại ngày giao dịch tương ứng được coi như thực hiện một lệnh bán.

Giá dịch vụ Chuyển Đổi đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm nhưng đảm bảo không vượt quá 3% (ba phần trăm) giá trị giao dịch. Trong mọi trường hợp Giá dịch vụ Chuyển Đổi không được vượt quá mức tối đa do pháp luật quy định. Thời điểm áp dụng mức Giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là 90 ngày kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ công bố về mức Giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Khi thực hiện chuyển đổi, Nhà Đầu Tư chỉ thanh toán Giá dịch vụ Chuyển Đổi trên giá trị đăng ký chuyển đổi, mà không phải thanh toán Giá dịch vụ Mua Lại đối với Quỹ hiện tại và Giá dịch vụ Phát Hành đối với Quỹ mục tiêu.

Giá dịch vụ chuyển đổi Quỹ sẽ được hạch toán cho Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối căn cứ theo hợp đồng ký giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối.

18.4. Giá dịch vụ Chuyển Nhượng (áp dụng trong các trường hợp: cho, biếu, tặng, hoặc thừa kế) đối với các Chứng Chi Quỹ sẽ do Công ty Quản Lý Quỹ quy định tại Bản Cáo Bạch và công bố công khai vào từng thời điểm.

18.5. Giá Phát hành

Giá Phát hành lần đầu của một Đơn Vị Quỹ mở là 10.000 đồng cộng Giá dịch vụ phát hành đã được công bố chi tiết tại Bản Cáo Bạch;

Giá Phát hành các lần tiếp theo bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ trên một Đơn Vị Quỹ cộng Giá dịch vụ phát hành tại Ngày Giao Dịch.

18.6. Giá mua lại

Giá mua lại là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại.

19. Thừa kế Chứng Chỉ Quỹ

19.1. Người thừa kế là cá nhân, Nhà nước, cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế được quyền thừa hưởng di sản theo quy định tại Pháp lệnh Thừa kế hiện hành và các quy định của Pháp Luật khác có liên quan;

19.2. Việc thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của Pháp Luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

19.3. Người thừa kế hợp pháp sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ đăng ký trong Sổ Đăng Ký với điều kiện người được thừa kế cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về thừa kế đó.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

20. Đại Hội Nhà Đầu Tư

20.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong danh sách đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm hoặc bất thường sẽ được tổ chức bởi Công ty Quản Lý Quỹ phù hợp với quy định của Pháp Luật với điều kiện là Nhà Đầu Tư phải được thông báo về thời gian, địa điểm, chương trình và nội dung của cuộc họp 10 (mười) ngày trước khi tổ chức đại hội. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề khác ngoài vấn đề đã được nêu trong chương trình đại hội và Công ty Quản Lý Quỹ phải gửi toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan cho UBCKNN ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày tiến hành đại hội

20.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. Việc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hàng năm có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (thông qua hình thức gửi thư bằng văn bản, gửi qua fax hoặc qua thư điện tử) hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử (e-voting) hoặc hình thức điện tử khác trên cơ sở nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ.

20.3. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong thời hạn do Pháp Luật quy định theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất

10% (mười phần trăm) tổng số Đơn Vị Quỹ đang lưu hành của Quỹ trong vòng ít nhất 06 (sáu) tháng liên tục tính đến thời điểm triệu tập đại hội. Ban Đại Diện Quỹ hoặc Nhà Đầu Tư yêu cầu triệu tập họp sẽ phải nêu rõ các lý do hợp lý kèm theo tài liệu chứng minh để triệu tập cuộc họp đó trong yêu cầu gửi cho Công ty Quản Lý Quỹ. Việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục tiêu của việc triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

20.4. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện các thủ tục báo cáo theo yêu cầu của Pháp Luật.

21. Quyền và nhiệm vụ của Đại Hội Nhà Đầu Tư

21.1. Nhà Đầu Tư đăng ký mua Đơn Vị Quỹ được hiểu là đã thông qua Điều lệ và các điều kiện mà theo đó Quỹ được quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn ở các hợp đồng và dịch vụ do Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên khác cung cấp.

21.2. Tại Đại Hội Nhà Đầu Tư, Nhà Đầu Tư có quyền:

- a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
- b) Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức phí/giá dịch vụ trả cho Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
- c) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
- d) Tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ; tách quỹ;
- e) Giải thể quỹ;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 85 Luật Chứng khoán, quy định pháp luật về doanh nghiệp và tại Điều lệ Quỹ.

21.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề nêu từ điểm b đến điểm g, của Khoản 21.2 Điều này (ngoại trừ điểm c và việc tăng mức phí/giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát) nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định điều chỉnh mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa được quy định tại Điều 58.1 nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất. Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức tối đa quy định tại Điều 58.1 sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp và quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

22.1. Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc thông qua người đại

diện theo ủy quyền hoặc các hình thức khác.

- 22.2. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.
- 22.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
- 22.4. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai cho Nhà Đầu Tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tiến hành đại hội.
- 22.5. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ Tịch Ban Đại diện Quỹ, hoặc một người khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra nếu Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt, sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư. Ngân Hàng Giám Sát, Công ty Quản Lý Quỹ, Công Ty Kiểm Toán và Công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không có quyền biểu quyết.
- 22.6. Hình thức biểu quyết tại Đại Hội Nhà Đầu Tư do Ban Đại Diện Quỹ quyết định và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Mỗi Đơn Vị Quỹ sẽ tương ứng với một (01) phiếu biểu quyết.
- 22.7. Đại Hội Nhà Đầu Tư (hàng năm hoặc bất thường) có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung, hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử (e-voting) tuân thủ theo các Quy định Pháp luật hiện hành. Nhà Đầu Tư được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư trong trường hợp sau đây:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác tuân theo các Quy định pháp luật hiện hành;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 22.8. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 22.10, Nghị quyết sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tham gia biểu quyết tán thành.
- 22.9. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử (e-voting) tuân thủ theo các Quy định Pháp luật hiện hành, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.
- 22.10. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:

- a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của Quỹ; tăng mức phí/giá dịch vụ trả cho Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát;
- b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
- Quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
- 22.11. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ biểu quyết những vấn đề được ghi rõ trong thông báo mời họp.
- 22.12. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện thông qua lá phiếu bầu, mỗi Nhà Đầu Tư sẽ có một lá phiếu bầu với số lượng quyền biểu quyết tương ứng với số lượng đơn vị quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ. Trong trường hợp việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay, kết quả lựa chọn biểu quyết của Nhà Đầu Tư được tính cho toàn bộ số lượng đơn vị quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ.
- 22.13. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ sau khi thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc thông qua bỏ phiếu điện tử (e-voting) tuân thủ theo các Quy định Pháp luật hiện hành và theo quy định tại Khoản 7 Điều này, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản hoặc lấy ý kiến bằng thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác) và nghị quyết đại hội và gửi cho UBCKNN, Ngân Hàng Giám Sát và cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ.
- 22.14. Những quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với Điều này, sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những quyết định này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.
- 23. Phản đối Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư**
- 23.1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định về các nội dung quy định tại điểm b, và c Khoản 21.2 có thể yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ khác cùng thuộc quản lý của Công ty Quản Lý Quỹ. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản ghi rõ tên, địa chỉ của những Nhà Đầu Tư, số tài khoản lưu ký và số lượng Đơn Vị Quỹ và gửi cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc đại lý ký danh trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Đại Hội Nhà Đầu Tư ra quyết định đó hoặc kết quả xin ý kiến bằng văn bản được Công bố.
- 23.2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày Công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Khoản 23.1 Điều này đối với các yêu cầu của Nhà Đầu Tư được gửi tới trụ sở của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối. Trong trường hợp Chứng Chỉ Quỹ được mua lại hoặc chuyển đổi theo Khoản 23.1 của Điều này, Nhà Đầu Tư đó không phải

trả Giá dịch vụ mua lại hoặc Giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

24. Ban Đại diện Quỹ

- 24.1 Ban Đại Diện Quỹ có tối thiểu 3 (ba) thành viên và tối đa là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên là thành viên độc lập.
- 24.2 Ban Đại Diện Quỹ sẽ bao gồm:
- Ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quỹ chịu sự điều chỉnh của Điều lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - Ít nhất 1 (một) thành viên độc lập, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quỹ nào chịu sự điều chỉnh của Điều lệ này, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - Ít nhất 1 (một) thành viên, không cần thiết phải là Nhà Đầu Tư của Quỹ nào có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm về Pháp Luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.

25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại diện Quỹ

- 25.1. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
- 25.2. Thành Viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được bổ nhiệm cho nhiệm kỳ 3 (ba) năm và có thể được bầu lại cho số lượng nhiệm kỳ không bị giới hạn.
- 25.3. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không đáp ứng các điều kiện quy định tại điều 25.1 hoặc thành viên buộc phải từ nhiệm, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, Ban Đại Diện Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn lựa thành viên thay thế tạm thời để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- 25.4. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Đại Diện Quỹ

- 26.1 Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư, có mặt trực tiếp hoặc thông qua phương thức liên lạc khác đã được thống nhất để tham gia vào các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và tham gia Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 26.2 Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định NAV; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng mà Quỹ gửi tiền, công cụ tiền tệ và các tài sản khác mà Quỹ được phép đầu tư; chấp thuận các giao dịch tài sản của Quỹ trong phạm vi thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức đàm phán và mua hoặc bán

- chứng khoán chưa niêm yết hoặc chứng khoán chưa đăng ký giao dịch. Các quyết định này phải được đưa ra trên cơ sở thận trọng nhất để bảo đảm an toàn tài sản của quỹ.
- Thay mặt Đại hội Nhà Đầu Tư phê duyệt thông qua mức Giá dịch vụ Quản lý Quỹ trong mức được quy định tại Điều 58.1 nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong đại hội hàng năm gần nhất.
- Thay mặt Nhà Đầu tư phê duyệt Quy chế hướng dẫn về việc bỏ phiếu điện tử cho từng đợt lấy ý kiến Nhà Đầu tư nếu sử dụng dịch vụ bỏ phiếu điện tử.
- 26.3 Kiến nghị mức phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư hoặc quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền, phê duyệt thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của Pháp luật;
- 26.4 Quyết định các vấn đề phù hợp với Điều 21.3 của Điều lệ này nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền.
- 26.5 Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
- 26.6 Gửi UBCKNN và Ngân Hàng Giám Sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ đồng thời cung cấp thông tin về nội dung quyết định cho Nhà Đầu Tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban Đại Diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại điểm b,c,d,e Điều 21.2 thực hiện theo quy định tại Điều 21.3 được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền;
- 26.7 Trong trường hợp quyết định do Ban Đại Diện Quỹ thông qua trái với Pháp Luật hoặc Điều lệ này gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
- 26.8 Các quyền và nghĩa vụ khác.
- 27. Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ**
- 27.1. Chủ tịch là thành viên độc lập, do Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn trong số những thành viên thuộc Ban Đại Diện Quỹ, sẽ có các quyền và nhiệm vụ sau:
- Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư, trừ trường hợp được quyết định khác theo Khoản 22.5;
 - Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp thông tin về Quỹ và về quá trình thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ và Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ;
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 27.2. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện các nhiệm vụ được giao, một thành viên Ban Đại Diện Quỹ do Chủ tịch ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trong trường hợp thành viên đó vắng mặt, các thành viên còn lại của Ban Đại Diện Quỹ sẽ lựa chọn, theo nguyên tắc nhất trí, một thành viên độc lập trong số họ tạm thời giữ vị trí Chủ tịch và chỉ được tạm thời giữ như thế trong trường hợp Chủ

tịch vẫn tiếp tục vắng mặt, cho đến khi Chủ tịch mới được bầu tại Đại Hội Nhà Đầu Tư kế tiếp.

28. Đình chỉ hoặc bãi miễn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn một trong những trường hợp sau:

- a) Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b) Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 2 (hai) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d) Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 25.1 của Điều lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của Pháp Luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ;
- e) Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

29. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ

- 29.1. Chủ tịch được quyền triệu tập các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ sẽ họp ít nhất mỗi quý một lần. Các cuộc họp bất thường có thể được triệu tập trong trường hợp cần thiết.
- 29.2. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ sẽ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm tỷ lệ ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác.
- 29.3. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bỏ phiếu điện tử (e-voting) tuân thủ theo các Quy định pháp luật hiện hành. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện trên giấy hoặc bằng bất kỳ hình thức họp pháp khác. Mỗi thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu bầu. Thành viên không thể tham gia cuộc họp có thể chuyển phiếu biểu quyết theo bất cứ hình thức nào đã được nhất trí từ trước cho Chủ tịch trước hoặc vào thời điểm đang diễn ra cuộc họp.
- 29.4. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thông qua nếu được 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên tham dự và 51% (năm mươi một phần trăm) số thành viên độc lập thông qua.
- 29.5. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tịch và thư ký được bổ nhiệm cho cuộc họp, cùng liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

30. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản Lý Quỹ

Công ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 30.1. Được thực hiện nghiệp vụ Quản Lý Quỹ;
- 30.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát;
- 30.3. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để Quản Lý Quỹ mở;
- 30.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ Lục 1 và Phụ Lục 3 của Điều lệ này.

31. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ

- 31.1. Công ty Quản Lý Quỹ luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và ban quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều lệ này, Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 31.2. Các cam kết của Công ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ lục 1. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều lệ này.
- 31.3. Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty Quản Lý Quỹ phải:
 - Ký hợp đồng lưu ký, giám sát với Ngân Hàng Giám Sát; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát;
 - Trường hợp đầu tư tiền gửi cho quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt; lưu trữ bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát số dư tài khoản tiền gửi, giá trị các hợp đồng tiền gửi với các với ngân hàng nhận tiền gửi của Quỹ;
 - Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phân vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho quỹ; Công ty Quản Lý Quỹ phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại Ngân Hàng Giám Sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;
 - Tách biệt tài sản của quỹ và tài sản của chính công ty, tài sản của khách hàng ủy thác do công ty quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản của quỹ trên hệ thống tài khoản của quỹ quản lý tại công ty, hệ

thông lưu ký tài sản của quỹ tại ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát với các tổ chức phát hành, VSD, tổ chức quản lý Sổ Đăng Ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, Ngân Hàng Giám Sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản của quỹ;

- Thực hiện việc đầu tư tài sản quỹ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý quỹ. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại Bản cáo bạch.
- a. Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho quỹ, cho khách hàng ủy thác khác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát và được áp dụng thống nhất.
 - b. Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo đảm:
 - i. Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ và trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này;
 - ii. Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư.
 - c. Công ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động này, Công ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ và Điều lệ này.
 - d. Công ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về quỹ, thông tin về giao dịch tài sản của quỹ, thông tin về nơi lưu ký tài sản của quỹ, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho Ngân Hàng Giám Sát theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân Hàng Giám Sát để Ngân Hàng Giám Sát thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với quỹ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, Công ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của quỹ với Ngân Hàng Giám Sát.
 - e. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát phát hiện và thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ về các giao dịch tài sản của quỹ trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của Công ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này thì Công ty Quản Lý Quỹ phải hủy bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí/giá dịch vụ phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho quỹ.

- f. Công ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ này.
- g. Công ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô, loại hình quỹ. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của quỹ. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của quỹ, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp.
- h. Công ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho quỹ do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do Công ty Quản Lý Quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. Việc bồi thường cho quỹ, Nhà Đầu Tư vào quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan.
- i. Công ty Quản Lý Quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho quỹ trong các trường hợp quy định tại điểm k khoản này.
- j. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các Đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- k. Trường hợp quỹ là Nhà Đầu Tư nước ngoài, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm việc đầu tư tài sản của quỹ tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- l. Việc sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu Điều lệ này có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty Quản Lý Quỹ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.
- m. Khi thực hiện giao dịch tài sản cho quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
 - i. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ; và
 - ii. Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của quỹ.

- n. Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm bảo mật thông tin của quỹ, thông tin về giao dịch tài sản và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho Ủy ban chứng khoán nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.
- o. Công ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm:
 - i. Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của công ty;
 - ii. Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.
- p. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty Quản Lý Quỹ.

31.4. Công ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

- a) Nhận Giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều 58 của Điều lệ này;
- b) Quản lý các Quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
- c) Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại diện Quỹ;
- d) Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- e) Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này, Ban Cáo Bạch Của Quỹ và Pháp Luật.

32. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ

32.1. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b) Giấy phép thành lập và hoạt động bị thu hồi;
- c) Hợp nhất hoặc sáp nhập với một Công ty khác mà quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ không được chuyển giao đầy đủ cho Công ty kế thừa của Công ty Quản Lý Quỹ và theo đó được chấm dứt.
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

32.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty Quản Lý Quỹ khác. Công ty Quản Lý Quỹ thay thế phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Điều 30 của Điều lệ này. Công ty Quản Lý Quỹ bị thay thế có nghĩa vụ chuyển giao toàn bộ chứng từ và các thông tin liên quan đến Quỹ cho Công ty Quản Lý

Quỹ thay thế để đảm bảo Công ty Quản Lý Quỹ thay thế có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ này.

- 32.3. Trong trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ sẽ phải bồi thường cho Công ty Quản Lý Quỹ như sau:

Chi phí bồi thường được tính trên NAV của Quỹ	Thời điểm thay thế Công ty Quản Lý Quỹ
--	---

3%	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
----	--

1,5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
------	---

- 32.4. NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân theo báo cáo NAV của 52 (năm mươi hai) tuần liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi Công ty Quản Lý Quỹ được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận.

- 32.5. Thời hạn thông báo về việc chấm dứt sẽ là 6 (sáu) tháng, hoặc một thời hạn cụ thể khác theo yêu cầu của Pháp Luật.

33. Hạn chế hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ

33. 1. Công ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị Quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát và ngược lại.

33. 2. Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;

b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí/giá dịch vụ giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có)

33. 3. Công ty Quản Lý Quỹ, nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc nhân viên làm việc tại Các Công ty Liên Quan của Công ty Quản Lý Quỹ sẽ chỉ được phép mua hoặc bán Đơn Vị Quỹ bằng với giá

- phát hành hoặc giá mua lại.
33. 4. Mọi giao dịch chứng khoán do thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành hoặc nhân viên làm việc tại Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành phải được báo cáo lên phòng kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch diễn ra và phải quản lý tập trung tại Công ty Quản Lý Quỹ dưới sự giám sát của phòng kiểm soát nội bộ. Thông tin về các giao dịch nói trên phải bao gồm loại chứng khoán, giá chứng khoán, thời gian giao dịch, phương thức giao dịch và tổng giá trị giao dịch và phải được lưu trong vòng 15 (mười lăm) năm và được cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
33. 5. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí/giá dịch vụ và mức phí/giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
33. 6. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ để tái đầu tư vào Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào Quỹ đại chúng khác hoặc Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác mà Công ty Quản Lý Quỹ quản lý;
 - Không được sử dụng tài sản của khách hàng mà Công ty Quản Lý Quỹ đang quản lý danh mục để đầu tư vào Quỹ;
 - Không được sử dụng tài sản của các Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ, hoặc trả nợ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc trả nợ cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một Quỹ khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.
 - Không được thực hiện bất cứ hoạt động nào vi phạm Pháp Luật.
33. 7. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công

ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

34. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

Ngân Hàng Giám Sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

34. 1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc Quản Lý Quỹ đại chúng;
34. 2. Không được là người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ;
34. 3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
34. 4. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 của Điều lệ này.

35. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

35.1. Ngân Hàng Giám Sát có nghĩa vụ:

- a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
- b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;
- d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ Quỹ;
- e) Tách bạch tài sản của quỹ với tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát và tài sản của chính Ngân Hàng Giám Sát;
- f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các qui định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định pháp luật. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
- i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ;
- j) Thanh toán những khoản chi phí/giá dịch vụ hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí/giá dịch vụ đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
- k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, đảm

bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của điều Lệ;

- l) Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền lập;
- m) Ngân Hàng Giám Sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- n) Ngân Hàng Giám Sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát;
- o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí/giá dịch vụ theo quy định tại Hợp Đồng Giám Sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

35.2 Ngân Hàng Giám Sát có quyền:

- a) Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công ty Quản Lý Quỹ trong quá trình Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
- b) Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
- c) Được quyền nhận phí/giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát và lưu ký phù hợp với hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, Điều Lệ này và Pháp Luật.

Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

36. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

36.1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- a) Phối hợp với Công ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định NAV của Quỹ; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Công tác xác định NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
- b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại trung tâm lưu ký chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định

- của Pháp Luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo ngay cho UBCKNN và thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;
- c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản Quỹ;
 - d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.
36. 2. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của Pháp Luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của UBCKNN.
36. 3. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.
36. 4. Ngân Hàng Giám Sát có quyền kiểm tra Công ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, Sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Pháp Luật.
36. 5. Ngân Hàng Giám Sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi Công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại Khoản 36.4 của Điều này. Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân Hàng Giám Sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của Pháp Luật đối với mọi thông tin của Công ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại Diện Quỹ, UBCKNN trong trường hợp có yêu cầu bằng văn bản.
36. 6. Công ty Quản Lý Quỹ có thể tùy từng thời điểm đặt tiền của Quỹ tại bất kỳ ngân hàng hoặc tổ chức nào khác nếu cho là thích hợp, và Ngân Hàng Giám Sát sẽ, khi nhận được và theo chỉ thị phù hợp của Công ty Quản Lý Quỹ, đặt khoản tiền được lưu giữ bởi hoặc theo lệnh của Công ty Quản Lý Quỹ tới ngân hàng hoặc tổ chức đó. Ngay cả với những điều kiện bao gồm ở đây Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm lưu giữ an toàn số tiền được đặt tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác đó và sẽ không có nghĩa vụ đối với bất kỳ sự thất thoát xảy ra do giải thể, phá sản hoặc mất khả năng thanh toán của ngân hàng hoặc tổ chức đó.
36. 7. Đối với các loại chứng khoán mà Quỹ mua đầu tư hoặc thuộc sở hữu của Quỹ nhưng

chưa được lưu ký tại Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát có quyền xác minh hàng tháng việc đăng ký các chứng khoán này dưới tên của Quỹ. Nếu Quỹ gửi tiền mặt tại các ngân hàng hay tổ chức khác, Ngân Hàng Giám Sát xác minh hàng tháng những khoản tiền đó. Để thực hiện điều này, Công ty Quản Lý Quỹ yêu cầu tổ chức phát hành, các ngân hàng và tổ chức mà Quỹ gửi tiền, hàng tháng gửi xác nhận trực tiếp tới Ngân Hàng Giám Sát. Ngân Hàng Giám Sát có quyền tin tưởng vào xác nhận của các tổ chức phát hành, ngân hàng và tổ chức nhận tiền gửi và không chịu trách nhiệm cho những hành vi lừa dối, vi phạm pháp luật hay thiếu sót của các tổ chức phát hành, ngân hàng hay tổ chức nhận tiền gửi đó.

36. 8. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm tiến hành việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ mà chỉ có trách nhiệm kiểm tra việc định giá tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành. Hơn nữa, nếu những trường hợp nêu dưới đây đối với việc định giá hoặc báo giá được ủy quyền hợp lệ theo các văn bản cấu thành theo luật của Quỹ (bao gồm Bản Cáo Bạch Quỹ, Điều lệ Quỹ và bất kỳ sửa đổi nào, nghị quyết được thông qua hợp lệ của Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ), Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm khi kiểm tra việc định giá của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ do Công ty Quản Lý Quỹ tiến hành trong những trường hợp này.
- a) Ngân Hàng Giám Sát không thể kiểm tra việc định giá một cách độc lập, hoặc xác nhận giá trị của, bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ sử dụng ít nhất hai nguồn cung cấp giá độc lập; hoặc
 - b) Ngân Hàng Giám Sát được chỉ thị bởi Quỹ (Ban Đại Diện Quỹ hoặc Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ) hoặc Công ty Quản Lý Quỹ sử dụng dịch vụ cung cấp giá tự động, nhà môi giới, nhà tạo lập thị trường, nhà trung gian hoặc các bên thứ ba khác riêng biệt để xác định giá trị của bất kỳ tài sản hoặc nghĩa vụ nợ nào của Quỹ; hoặc
 - c) Ngân Hàng Giám Sát chỉ hoàn toàn dựa trên bất kỳ định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá của các tài sản hoặc nghĩa vụ nợ của các Quỹ mà được cung cấp tới Ngân Hàng Giám Sát bởi: (i) Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ; và/hoặc (ii) bất kỳ tổ chức định giá, đại lý định giá thứ ba, tổ chức trung gian hoặc các bên thứ ba khác mà theo từng trường hợp do Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định hoặc ủy quyền để cung cấp định giá hoặc thông tin liên quan đến định giá các tài sản và nghĩa vụ nợ của Quỹ tới Ngân Hàng Giám Sát.
 - d) (a), (b), (c) gọi chung là “Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng”
36. 9. Ngân Hàng Giám Sát sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra bởi bất kỳ người nào do hậu quả của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn nào trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng hoặc bất kỳ sai sót hệ quả nào trong Giá Trị Tài sản Ròng của Quỹ.
36. 10. Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ đồng ý sẽ bồi hoàn cho Ngân Hàng Giám Sát đối với mọi khoản nợ, khiếu nại, chi phí/giá dịch vụ, tổn thất hoặc các thiệt hại khác (ngoại trừ xuất phát từ sự gian lận, sơ suất hay bỏ qua có chủ định đối với trách nhiệm của Ngân Hàng

Giám Sát) mà Ngân Hàng Giám Sát có thể gánh chịu tại bất kỳ thời điểm nào do kết quả trực tiếp hoặc gián tiếp của bất kỳ sự không chính xác, sai sót hoặc trì hoãn trong Những Định Giá Bị Ảnh Hưởng.

36. 11. Trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát gửi thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Giám Sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại Điều lệ Quỹ.

37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

37. 1. Ngân Hàng Giám Sát có thể chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
- b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát;
- c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d) Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

37. 2. Nếu Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ thay mặt cho Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát thì Ngân Hàng Giám Sát phải có thông báo trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày cho Công ty Quản Lý Quỹ.

37. 3. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát được chuyển giao cho một Ngân Hàng Giám Sát khác phải theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

38. Các hoạt động được ủy quyền

Công ty Quản Lý Quỹ được quyền thuê bên thứ ba làm nhà cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và dịch vụ đại lý chuyên nhượng.

39. Tiêu chí lựa chọn Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

39.1. Tổ chức cung cấp dịch vụ được lựa chọn phải có năng lực phù hợp, hệ thống quản lý, nhân sự, kinh nghiệm và chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ của Đại Lý Chuyên Nhượng và tổ chức quản trị Quỹ.

39.2. Tổ chức được lựa chọn làm Đại Lý Chuyên Nhượng phải là tổ chức có cơ sở kỹ thuật, vật chất để có thể phối hợp với Đại Lý Phân Phối và Nhà Đầu Tư, đồng thời có phần mềm ứng dụng có thể tương tác tốt với Đại Lý Phân Phối và Công ty Quản Lý Quỹ, có

tính bảo mật cao, bảo vệ được các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư, phù hợp với Pháp Luật và chuẩn mực quốc tế. Tổ chức được lựa chọn cung cấp dịch vụ quản trị quỹ đầu tư và Đại Lý Phân Phối phải có kế hoạch khôi phục và hỗ trợ thay thế khi hệ thống kỹ thuật có trục trặc xảy ra. Hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo được xây dựng phù hợp với Pháp Luật.

40. Trách nhiệm của Tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

40.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện công việc theo đúng phạm vi công việc đã được ủy quyền và chịu trách nhiệm trong phạm vi đã được ủy quyền phù hợp với Pháp Luật và hợp đồng ký với Công ty Quản Lý Quỹ.

40.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

a) Đối với dịch vụ quản trị quỹ đầu tư:

- Lập báo cáo kế toán về các giao dịch của Quỹ; ghi nhận các lưu chuyển dòng tiền vào và ra của Quỹ;
- Chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ; phối hợp và hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ tiến hành hoạt động kiểm toán Quỹ;
- Thực hiện xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi đơn vị dựa trên chính sách kế toán của Quỹ phù hợp với các tài liệu Quỹ và luật áp dụng, với tần suất theo thỏa thuận giữa tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ.

b) Dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ;
- Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ phát hành, số Chứng Chỉ Quỹ hữu bởi từng người nắm giữ chứng chỉ, tên, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ và các yếu tố nhận dạng khác của người đó và ngay lập tức cập nhật tất cả những thay đổi nếu có;
- Ghi nhận:
 - ✓ tên và địa chỉ của mỗi người sở hữu các đơn vị Quỹ
 - ✓ số lượng đơn vị quỹ mỗi Nhà Đầu Tư của Quỹ sở hữu và lượng tiền trả cho các đơn vị quỹ này;
 - ✓ ngày nhập tên của mỗi Nhà Đầu Tư cho các đơn vị quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư đó.
 - ✓ ngày đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người nhận chuyển nhượng.
 - ✓ các chi tiết khác như được quy định trong tài liệu Quỹ.
- Xử lý các yêu cầu về giao dịch (đăng ký mua, đăng ký bán, đăng ký chuyển đổi và chuyển nhượng) đối với các đơn vị quỹ, và các yêu cầu khác (như thay đổi về dữ liệu thông tin Nhà Đầu Tư) của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng và nhập vào Sổ Đăng Ký tất cả các yếu tố đó;
- Phân bổ và hủy bỏ đơn vị quỹ phù hợp với các điều khoản trong Tài liệu Quỹ, và trong

các trường hợp chỉ phát hành đơn vị quỹ sau khi Ngân Hàng Giám Sát đã nhận tất cả tiền thanh toán liên quan đến việc đăng ký mua đơn vị quỹ;

- Chuẩn bị Sổ Đăng Ký điện tử sẵn sàng cho việc kiểm tra tại trụ sở của Đại Lý Chuyển Nhượng ở Việt Nam phù hợp với tài liệu Quỹ và theo yêu cầu tại từng thời điểm của luật áp dụng hoặc bộ luật và điều lệ của các cơ quan quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền mà Quỹ chịu sự quản lý;
- Tại bất kì thời điểm nào trong giờ làm việc cho phép Công ty Quản Lý Quỹ và bất cứ Đại Lý Phân Phối nào bằng chi phí/giá dịch vụ của Công ty Quản Lý Quỹ (nếu có) kiểm toán hoặc kiểm tra Sổ Đăng Ký và bất kỳ tài liệu và sổ sách nào khác được lưu giữ bởi Đại Lý Chuyển Nhượng; và chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu và sổ sách đó để Quỹ hoặc các đại lý hoặc đại diện của Quỹ trong giờ làm việc khi được yêu cầu cung cấp, và tương tự, cung cấp các thông tin, giải thích và hỗ trợ một cách hợp lý theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý hoặc đại diện của Công ty Quản Lý Quỹ; và
- Mở và quản lý tài khoản của Nhà Đầu Tư sở hữu đơn vị Quỹ dưới tên của Nhà Đầu Tư theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
- Sắp xếp thanh toán cổ tức cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ;
- Sắp xếp để trả lại các khoản đăng ký mua vượt quá cho Nhà Đầu Tư sau mỗi đợt phân phối theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng;
- Sắp xếp thanh toán thanh lý quỹ cho Nhà Đầu Tư của Quỹ theo Chỉ thị của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối tương ứng với sự chấp thuận của Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc ban đại diện của Quỹ (hoặc cơ quan điều hành khác của Quỹ) và từ các cơ quan có thẩm quyền (nếu cần).

40.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

Các chứng từ, sổ sách liên quan đến dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn theo yêu cầu của Pháp Luật. Tổ chức nhận ủy quyền có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu Công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và hiệu quả.

40.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công ty Quản Lý Quỹ;

40.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công ty Quản Lý Quỹ.

41. **Trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**

41.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;

41.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về

- nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
- 41.3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
- 41.4. Công ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm như quy định nêu trên;
- 41.5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
- 41.6. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
- 41.7. Công ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
- 41.8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
- 41.9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
- 41.10. Tối thiểu một năm một lần, Công ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
- Chi phí/giá dịch vụ phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ;
 - Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
 - Tổng chi phí/giá dịch vụ các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công ty Quản Lý Quỹ);
 - Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
- 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**
- 42.1. Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ được Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
- Tổ chức nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình;
 - Tổ chức nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị phá sản hoặc giải thể;
 - Tổ chức nhận ủy quyền bị thu hồi giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
 - Tổ chức nhận ủy quyền bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi tổ chức khác;

- e) Theo đề nghị của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
 - f) Theo đề nghị của Công ty Quản Lý Quỹ;
 - g) Quỹ bị giải thể;
 - h) Quỹ bị sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư
- 42.2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của tổ chức nhận ủy quyền chỉ chấm dứt khi mọi quyền và nghĩa vụ của tổ chức nhận ủy quyền được bàn giao đầy đủ cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc cho tổ chức mà Công ty Quản Lý Quỹ chỉ định phù hợp với quy định của Pháp Luật và hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền.

CHƯƠNG IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

43. Tiêu chuẩn lựa chọn Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

- Tổ chức được Công ty Quản Lý Quỹ lựa chọn làm Đại Lý Phân Phối phải đáp ứng các điều kiện sau:
- 43.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ với UBCKNN;
 - 43.2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ đáp ứng yêu cầu của Pháp Luật;
 - 43.3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
 - 43.4. Đại Lý Phân Phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
 - a) Làm đại lý ký danh;
 - b) Đồng thời làm Đại Lý Phân Phối cho Công ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.

44. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối

- 44.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của Pháp Luật và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
- 44.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại Lý Phân Phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được Đại Lý Phân Phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ,

- chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
- 44.3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại Sổ Đăng Ký, xác nhận quyền sở hữu Đơn Vị Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu phù hợp với Pháp Luật và Điều Lệ này.
- 44.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, Công bố thông tin theo ủy quyền của Công ty Quản Lý Quỹ.;
- 44.5. Hỗ trợ Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chi thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
- 44.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
- 44.7. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
- Làm đại lý ký danh;
 - Đồng thời làm đại lý phân phối cho công ty quản lý quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của công ty quản lý quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.
- 45. Hoạt động của đại lý ký danh**
- 45.1 Thực hiện chức năng đại lý phân phối quy định tại Điều 44 của Điều lệ này đối với nhà đầu tư đăng ký giao dịch trên tài khoản của nhà đầu tư;
- 45.2 Lập và quản lý sổ phụ đối với Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch trên tài khoản ký danh; lập và quản lý hệ thống tiểu khoản; cập nhật và cung cấp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư, bao gồm cả thông tin về sở hữu, thông tin về giao dịch cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan;
- 45.3 Thực hiện lệnh giao dịch cho tài khoản ký danh trên cơ sở tổng hợp các lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư, bảo đảm lệnh mua được thực hiện đầy đủ, lệnh bán được phân bổ một cách công bằng và việc thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật;
- 45.4 Thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động của Đại Lý Phân Phối quy định tại điều lệ này và quy định của pháp luật.
- 45.5 Đại lý ký danh phải tuân thủ quy định sau:
- Tài sản trên tài khoản ký danh không thuộc sở hữu của đại lý ký danh, mà thuộc quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư tại sổ phụ. Các Nhà Đầu Tư này được thừa hưởng mọi quyền lợi và

- lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu tương ứng với số đơn vị quỹ đang nắm giữ có trên tài khoản ký danh. Nhà Đầu Tư có quyền yêu cầu đại lý ký danh thực hiện việc chuyển quyền sở hữu số đơn vị quỹ có trên tài khoản ký danh sang tài khoản của Nhà Đầu Tư (nếu có);
- b) Đại lý ký danh phải quản lý tách biệt tiền, tài sản của từng Nhà Đầu Tư; quản lý tách biệt tiền và tài sản của Nhà Đầu Tư với tiền, tài sản của chính mình. Đại lý ký danh muốn giao dịch chứng chỉ quỹ cho chính mình thì phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ độc lập với tài khoản ký danh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư này;
- c) Đại lý ký danh không được sử dụng tiền, tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản ký danh; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tiểu khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;
- d) Đại lý ký danh phải mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 23 Điều 2 Thông tư này tại Ngân Hàng Giám Sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư. Đại lý ký danh chỉ được sử dụng tài khoản này để thanh toán cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc trả lại tiền cho đúng Nhà Đầu Tư đã chuyển tiền nếu có yêu cầu. Ngân Hàng Giám Sát, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan, Công ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh cùng xây dựng hệ thống hoặc có cơ chế phối kết hợp để thường xuyên kiểm tra, đối soát các hoạt động của tài khoản này, bảo đảm:
- Theo dõi được chính xác tại mọi thời điểm số dư tiền (nếu có) của từng Nhà Đầu Tư trên tài khoản này và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác về số dư tiền (nếu có) theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu Tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
 - Tiền (nếu có) của Nhà Đầu Tư không bị lạm dụng hoặc bị sử dụng mà chưa được ủy quyền của Nhà Đầu Tư bằng văn bản. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm quy định này, Ngân Hàng Giám Sát, Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Nhà Đầu Tư trong vòng 24 giờ;

Trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày nhận được các khoản thanh toán từ quỹ hoặc từ Nhà Đầu Tư tham gia vào quỹ, đại lý ký danh phải hoàn tất việc thanh toán cho Nhà Đầu Tư theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, hoặc thanh toán cho quỹ theo chỉ thị của Nhà Đầu Tư.

- e) Đại lý ký danh phải mở, quản lý tiểu khoản giao dịch độc lập, tách biệt tới từng Nhà Đầu Tư. Tổng số dư trên các tiểu khoản phải khớp với số dư trên tài khoản ký danh, số dư trên từng tiểu khoản phải khớp với số liệu sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư tại Sổ

46. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng Chỉ Quỹ

- 46.1 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, Công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra

quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được Công bố Công khai. Nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.

- 46.2 Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng Chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản Cáo Bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều Lệ và Bản Cáo Bạch của Quỹ đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, chính sách phân phối lợi nhuận, thuế, phí/giá dịch vụ, lệ phí và các chi phí khác; cơ chế giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 46.3 Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
- 46.4 Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo dễ dãi hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng Chỉ Quỹ. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua chứng chỉ quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
- 46.5 Đại Lý Phân Phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 46.6 Đại Lý Phân Phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch chứng chỉ quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ, ngoài các mức phí/giá dịch vụ đã được Công bố tại Bản Cáo Bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công ty Quản Lý Quỹ.
- 46.7 Đại Lý Phân Phối không được phân phối Chứng Chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của Pháp Luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại Lý Phân Phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng Chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng Chỉ Quỹ khi phân phối Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

- 46.8 Công ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng Chi Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công ty Quản Lý Quỹ và Đại Lý Phân Phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG X: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

47. Công ty Kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải được thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát. Năm đầu tiên, công ty kiểm toán của Quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ đề cử để Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. Các năm sau đó, Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất với Ban Đại Diện Quỹ ít nhất (02) công ty kiểm toán để kiểm toán cho Quỹ

48. Năm Tài chính

- 48.1 Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
- 48.2 Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

49. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam (VAS) và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng và thể hiện.

50. Báo cáo tài chính

- 50.1 Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán và chuẩn bị báo cáo tài chính cho Quỹ. Phù hợp với quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho một nhà cung cấp dịch vụ để thực hiện Công việc này. Mọi Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ sẽ được lưu tại văn phòng của Công ty Quản Lý Quỹ hoặc của nhà cung cấp dịch vụ mà Công ty Quản Lý Quỹ ủy quyền. Ban Đại diện Quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.
- 50.2 Báo cáo tài chính trình bày trước Đại Hội Nhà Đầu Tư sẽ do Ban Giám đốc Công ty Quản Lý Quỹ ký và Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ thay mặt cho Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt. Các báo cáo của Công ty kiểm toán và của Ban Đại Diện Quỹ, nếu có, sẽ được đính kèm cùng các báo cáo tài chính. Các báo cáo này sẽ được trình bày tại Đại Hội

- Nhà Đầu Tư và bất cứ Nhà Đầu Tư nào cũng có thể xem các báo cáo đó.
- 50.3 Tất cả các báo cáo tài chính soát xét bán niên/ hàng năm đã được soát xét/ kiểm toán cùng với báo cáo kiểm toán độc lập bao gồm cả mọi tài liệu buộc phải đính kèm khác theo yêu cầu của Pháp Luật sẽ được trình bày tại Đại Hội Nhà Đầu Tư và công bố công khai trên website của Công ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.
51. **Báo cáo khác**
Công ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của UBCKNN về chế độ báo cáo và Công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

CHƯƠNG XI: GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

52. **Xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”)**
- 52.1 Công ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm xác định NAV của Quỹ và NAV trên mỗi Đơn Vị Quỹ. Công ty Quản Lý Quỹ có thể ủy quyền cho nhà cung cấp dịch vụ để cung cấp dịch vụ xác định giá trị NAV theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này nhưng phải kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng việc xác định NAV phải đưa ra giá trị chính xác và hợp lý cho các tài sản của Quỹ và phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 52.2 Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân Hàng Giám Sát phải thông báo và yêu cầu Công ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, Đại Lý Phân Phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 52.3 NAV của Quỹ được xác định vào Ngày Định Giá là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán. NAV của quỹ được xác định bằng tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ, bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- 52.4 NAV của một Đơn Vị Quỹ bằng NAV của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến 2 (hai) chữ số thập phân.
53. **Phương pháp, quy trình xác định Giá trị Tài sản Ròng (“NAV”) của Quỹ**
- 53.1 Phương pháp xác định NAV của Quỹ và NAV trên một Đơn Vị Quỹ sẽ được ghi rõ trong sổ tay định giá và sẽ tuân thủ Pháp Luật và thông lệ quốc tế tốt nhất. Sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận và Ban Đại Diện Quỹ phê chuẩn. Những thay đổi trong sổ tay định giá phải được Ngân Hàng Giám Sát xem xét trước khi đệ trình cho Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

53.2 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thành lập hội đồng định giá để xác định giá hợp lý trong những trường hợp sổ tay định giá không quy định hoặc không xác định rõ ràng. Việc xác định giá thị trường của tài sản được thực hiện theo phương pháp quy định tại Phụ lục [4] đính kèm.

54. Quy trình định giá tài sản Quỹ

54.1 Trước Ngày Định Giá

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;
- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
- Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chi Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
- Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
- Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
- Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ ngân hàng lưu ký giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí/giá dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF..), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
- Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.

54.2 Tại ngày sau Ngày Định Giá

- Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ;
- Công ty Quản Lý Quỹ Công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ.

54.3 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chi Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chi Quỹ của Nhà Đầu Tư.

54.4 Trong thời hạn ba (03) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chi Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho Đại Lý Phân Phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư.

54.5 Trong thời gian năm (05) Ngày Làm Việc sau ngày giao dịch Chứng Chi Quỹ:

Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chi Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư. Chi tiết ngày thanh toán tiền

mua lại chứng chỉ quỹ sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ công bố trên trang web theo từng thời kỳ.

55. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ

55.1 Thiệt hại gánh chịu bởi Nhà Đầu Tư thực hiện giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi NAV của Quỹ bị định giá sai và mức độ sai sót được coi là lớn khi đạt từ 1% (một phần trăm) của NAV trở lên.

Khi mức độ sai sót đạt đến mức quy định trên, Công ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, giải quyết bằng hai cách sau đây:

- Điều chỉnh số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư bị thiệt hại nắm giữ, chỉ áp dụng trong trường hợp chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào chi phí của Quỹ
- Thanh toán bằng chuyển khoản trong trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư vượt quá 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam). Trường hợp số tiền thiệt hại cho từng Nhà Đầu Tư nhỏ hơn 100.000 VND (một trăm nghìn đồng Việt Nam) sẽ được tự động hạch toán cho Quỹ.

55.2 Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

55.3 Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ.
- b) Đối với Quỹ: Mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Công ty Quản Lý Quỹ nếu không thu hồi được từ Nhà Đầu Tư có liên quan hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm cho sai sót đó.

56. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn và trình Ban Đại Diện Quỹ để phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá phải được

thành lập và hoạt động phù hợp với quy định của Pháp Luật, có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá và không được là người có liên quan của Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

CHƯƠNG XII: LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ/GIÁ DỊCH VỤ CỦA QUỸ

57. Phân phối lợi nhuận

57.1 Việc phân phối lợi nhuận hàng năm dựa trên đề xuất của Ban đại diện quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua hoặc do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại khoản 21.3 và khoản 26.3 theo đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí/giá dịch vụ, lệ phí nếu Pháp Luật có yêu cầu trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phép phân phối nếu sau khi phân phối:

- a) Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của Pháp Luật; hoặc
- b) NAV của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của Pháp Luật.

57.2 Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa ba điều kiện sau:

- Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí/giá dịch vụ phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
- Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
- Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho Nhà Đầu Tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty Quản Lý Quỹ đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).

57.3 Lịch trình, kế hoạch phân chia lợi nhuận đã được thông qua sẽ được Công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản Lý Quỹ. Mỗi Nhà Đầu Tư có thể quyết định nhận lợi nhuận mà Quỹ phân phối dưới dạng tiền hoặc tái đầu tư vào Quỹ với điều kiện, họ phải nêu rõ lựa chọn của mình tại đơn đăng ký mở tài khoản giao dịch Đơn Vị Quỹ. Nếu không có sự lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư vào Quỹ được tự động áp dụng.

57.4 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân phối lợi nhuận của Quỹ trong đó có các nội dung về phương pháp phân chia lợi nhuận, tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận, giá trị phân phối bằng tiền và bằng Đơn Vị Quỹ, NAV trên Đơn Vị Quỹ trước và sau khi phân phối lợi nhuận và các ảnh hưởng tác động đến NAV của Quỹ.

58. Chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ

58.1 Giá dịch vụ Quản Lý

Giá dịch vụ quản lý được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản Lý Quỹ. Số giá dịch vụ

trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ Quản Lý tối đa là 1.9% /NAV/năm.

Đại Hội Nhà Đầu Tư có thể ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ quyết định điều chỉnh mức Giá dịch vụ Quản lý trong mức tối đa được nêu ở trên nếu được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua việc ủy quyền này trong Đại hội hàng năm gần nhất. Hiệu lực của việc điều chỉnh Giá dịch vụ Quản Lý sau khi Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt sẽ được Công ty quản lý Quỹ công bố trên trang website. Trường hợp thay đổi Giá dịch vụ Quản lý vượt mức nêu trên sẽ phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư phê duyệt.

Phù hợp với quy định của pháp luật, trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý như nêu tại đây, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng như nêu tại khoản 58.3 và 58.4 của Điều này sẽ tuân thủ mức tối đa theo yêu cầu của pháp luật.

58.2 Giá dịch vụ giám sát và lưu ký

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được trả cho Ngân Hàng Giám Sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ Ngân Hàng Giám Sát, lưu ký cho Quỹ. Giá dịch vụ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước Ngày Định Giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ Lưu Ký sẽ là 0,05% /NAV/năm và thấp nhất là 11.500.000 đồng/ tháng

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán: 150.000 VNĐ/giao dịch.

Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các chi phí/giá dịch vụ ngoài thông thường như chi phí/giá dịch vụ thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v....

Giá dịch vụ giám sát:

Giá dịch vụ dịch vụ Giám sát quỹ sẽ là 0,03%/NAV/năm. Mức phí thấp nhất là 16.500.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).

58.3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ Quản trị quỹ sẽ là 0,04%/NAV/năm. Mức phí thấp nhất là 54.000.000 đồng/ tháng (chưa bao gồm thuế VAT).

Giá dịch vụ soạn báo cáo tài chính sẽ là 5.875.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT).

58.4 Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (Chưa bao gồm thuế VAT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng

STT	Loại dịch vụ	Mức giá dịch vụ (Chưa bao gồm thuế VAT)
2	Giá dịch vụ giao dịch (mua, bán, hoán đổi, chuyển quyền sở hữu, chuyển khoản) – Đối với 400 giao dịch đầu tiên: – Đối với giao dịch từ số 401 trở đi:	Miễn phí 0,01% giá trị giao dịch/1 giao dịch (Giá trị giao dịch = số lượng Chứng Chỉ Quỹ giao dịch x NAV/Chứng Chỉ Quỹ mà TCC công bố tại ngày giao dịch liền trước)
3	Giá dịch vụ thực hiện quyền – Lập danh sách thực c hiện quyền – Phân phối cổ tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

58.5 Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công Ty Kiểm Toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

58.6 Phụ cấp Ban Đại Diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại Diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Để dễ hiểu, chi phí trên không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại Diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại Diện Quỹ được tính vào chi phí/giá dịch vụ hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện đã được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

58.7 Chi phí/giá dịch vụ khác

- Chi phí/giá dịch vụ in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí/giá dịch vụ Công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật;
- Chi phí/giá dịch vụ phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- Thuế và các loại phí/giá dịch vụ bắt buộc của chính phủ áp dụng cho Quỹ; và các chi

- phí/giá dịch vụ Khác được Pháp Luật cho phép.
- Chi phí/giá dịch vụ liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ: Bao gồm các chi phí/giá dịch vụ phải trả cho công ty chứng khoán, công ty luật, công ty định giá tài sản và các bên cung cấp dịch vụ liên quan tới giao dịch tài sản của quỹ khác.

CHƯƠNG XIII: CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

59. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập và chia tách Quỹ

- 59.1 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ chỉ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và khi được Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ thông qua.
- 59.2 Việc tách Quỹ sẽ xảy ra khi xảy ra sự kiện (i) Công ty Quản Lý Quỹ không thể xác định được NAV của Quỹ vào Ngày Định Giá để mua lại Chứng Chỉ Quỹ do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ vô thời hạn giao dịch chứng khoán trong phần lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ hoặc (ii) theo quyết định bằng văn bản của UBCKNN.
- 59.3 Việc hợp nhất, sáp nhập hoặc chia tách Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

60. Các điều kiện thanh lý và giải thể Quỹ

- 60.1 Quỹ được thanh lý và giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc giấy phép thành lập và hoạt động quỹ bị thu hồi nhưng Ban Đại diện Quỹ không tìm được Công ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Công ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi giấy phép.
 - b) Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc Hợp Đồng Giám Sát bị chấm dứt bởi Công ty Quản Lý Quỹ; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi và Công ty Quản Lý Quỹ không tìm được Ngân Hàng Giám Sát thay thế trong vòng 2 (hai) tháng kể từ ngày Ngân Hàng Giám Sát bị giải thể, phá sản hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi.
 - c) Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ quyết định giải thể Quỹ;
 - d) NAV của Quỹ giảm xuống dưới 10.000.000.000 VNĐ (mười tỷ đồng Việt Nam) trong vòng 6 (sáu tháng) liên tiếp; và
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 60.2 Việc thanh lý và giải thể của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp Luật. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ đóng vai trò là bên thanh lý cho Quỹ trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác

61. Kiểm soát xung đột lợi ích

Công ty Quản Lý Quỹ sẽ hành động một cách Công bằng đối với tất cả các quỹ do mình quản lý, tuân thủ các quy định của Pháp Luật, khoản 33.1 và khoản 33.3 của Điều Lệ này và sẽ thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro để theo dõi và giám sát xung đột lợi ích thực tế và tiềm tàng. Trong trường hợp này sinh xung đột

lợi ích, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo cho Ban Đại diện Quỹ và thống nhất về phương thức xử lý để giảm nhẹ hoặc kiểm soát xung đột đó.

62. Thông báo và Công bố thông tin

- 62.1 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu phát hành và gửi đến cho Nhà Đầu Tư phải được gửi trực tiếp đến tay Nhà Đầu Tư hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Nhà Đầu Tư đăng ký trong sổ Đăng Ký. Nhà Đầu Tư phải thông báo cho Công ty Quản Lý Quỹ về bất kỳ thay đổi liên quan đến địa chỉ nhận thư.
- 62.2 Tất cả các thông báo hoặc tài liệu gửi qua đường bưu điện sẽ được coi là được chuyển khi thư có thông báo hoặc tài liệu được gửi qua bưu điện. Tài liệu và thông báo sẽ được coi là đã gửi nếu trong thư chứa thông báo và tài liệu đã được ghi đúng địa chỉ và gửi đi.
- 62.3 Các thông báo và tài liệu gửi cho bất kỳ Nhà Đầu Tư sẽ được coi là gửi cho tất cả những Nhà Đầu Tư còn lại.
- 62.4 Các thông báo và tài liệu gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử được coi là đã gửi vào thời gian ghi trên báo cáo chuyển của người gửi nếu được gửi đến đúng Số fax và địa chỉ thư điện tử của Nhà Đầu Tư đã được đăng ký tại sổ Đăng Ký. Tài liệu có đóng dấu và chữ ký gốc đã gửi qua hình thức fax hoặc thư điện tử sẽ phải gửi bản gốc muộn nhất vào ngày làm việc tiếp theo đến địa chỉ thư tín đăng ký trong sổ Đăng Ký.
- 62.5 Hàng tháng, hàng quý và hàng năm, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi cho Nhà Đầu Tư danh sách giao dịch và số dư trên tài khoản, tiểu khoản và các báo cáo về thay đổi NAV của Quỹ. Với những Nhà Đầu Tư giao dịch bằng tài khoản ký danh, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ gửi thông tin khi Nhà Đầu Tư có yêu cầu bằng văn bản. Báo cáo sẽ được gửi cho Nhà Đầu Tư trong thời gian sớm nhất có thể nhưng không quá 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư.
- 62.6 Công ty Quản Lý Quỹ sẽ Công bố trên trang điện tử của mình trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc nửa năm tài chính và trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính Bán Cáo Bạch Của Quỹ, bản cáo bạch rút gọn, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán, báo cáo tổng kết về hoạt động Quản Lý Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo thống kê về giá dịch vụ giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ bán niên và cả năm, báo cáo về hoạt động của Quỹ bán niên và cả năm.

63. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

- 63.1 Điều Lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của khoản 21.2 và Điều 22.
- 63.2 Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
- a) Bất cứ nội dung nào của Điều Lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của Pháp Luật: Khi các quy định của Pháp Luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều Lệ này có thay đổi theo, Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư.

- b) Chính sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều Lệ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
- 63.3 Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 63.2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới UBCKNN. Công ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.
64. **Hiệu lực của Điều lệ**
Điều Lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 29/10/2020 và thay thế cho các Điều lệ Quỹ ban hành trước đây.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG *Mya*



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Lưu Dũng

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương

Giấy phép thành lập và hoạt động số: Số 57/GP-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 30/01/2019.

Công ty Quản Lý Quỹ theo đây xin cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đối với các Quỹ:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản phí/giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;
 - c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí/giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ theo quy định của pháp luật.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Lưu Dũng

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Số giấy phép hoạt động số: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với Công ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



VŨ HƯƠNG GIANG
Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Quản Lý Quỹ: Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Kỹ thương

Số giấy phép thành lập: Số 57/GP-UBCK do UBCK Nhà nước cấp ngày 30/01/2019

Ngân Hàng Giám Sát: Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam)

Số giấy phép hoạt động: 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 08/09/2008.

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: Số 08/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07/05/2015.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch.

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Dặng Lưu Dũng



VŨ HƯƠNG GIANG
Phó phòng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

A – Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

		<p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau:</p> <p>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</p> <p>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá;</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Giá mua; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách; hoặc</p> <p>+ Mệnh giá; hoặc</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <p>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</p> <p>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</p>

13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...)
- để tham khảo;
- Tại phần này của Phụ lục, ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá do Ban Đại Diện Quỹ được chi tiết tại Sổ tay định giá.

B – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận
---	-------------------	---

